TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐĂK LĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-7-2026.
V/v: *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐĂK LĂK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà H Moan Mlô.

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2026 tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 8 mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2026 về việc *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị H Tr Niê, sinh năm 2005. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Số CCCD/CMND: 066305017050.

Nơi cư trú: Buôn Đ, xã Cư M, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Anh Y Th Mlô, sinh năm 2003. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Số CCCD/CMND: 066203012779.

Nơi cư trú: Buôn K A, phường Buôn H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị H Tr trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Chị H Tr và anh Y Th về sống chung với nhau từ năm 2024, đến năm 2025 đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Mta, tỉnh Đăk Lăk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, đầu năm 2026 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị H Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y Th.

- Về con chung: Chị H Tr và anh Y Th có 01 con chung là H He Niê, sinh ngày 20/11/2025, con chung hiện do chị H Tr nuôi dưỡng, nay ly hôn chị H Tr có nguyện vọng nhận nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con chị H Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H Tr không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Y Th là bị đơn: Cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh Y Th và anh Y Th cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H Tr.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị H Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y Th là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị H Tr được ly hôn với anh Y Th, tiếp tục giao con chung cho chị H Tr nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị H Tr Niê khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y Th Mlô, Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Y Th cố tình lẫn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến

hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh Y Th cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Tr và anh Y Th về sống chung với nhau từ năm 2024, đến năm 2025 đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Mta, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2025/KH ngày 17/10/2025, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, đầu năm 2026 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị H Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y Th.

Căn cứ vào lời khai của chị H Tr và qua xác minh tại nơi chị H Tr và anh Y Th sinh sống, thì chị H Tr và anh Y Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H Tr và anh Y Th ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị H Tr yêu cầu ly hôn với anh Y Th là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị H Tr và anh Y Th có 01 con chung. Nhận thấy, sau khi sống ly thân chị H Tr là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn chị H Tr có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và hiện con chung đang còn nhỏ, nên cần giao con chung là H He Niê, sinh ngày 20/11/2025 cho chị H Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện chị H Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

2.4. Về tài sản và nợ chung: Chị H Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H Tr Niê.

1. Về hôn nhân: Cho chị H Trinh Niê được ly hôn với anh Y Thiết Mlô.

2. Về con chung: Giao con chung là H He Niê, sinh ngày 20/11/2025 cho chị H Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị H Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập xem xét.

Anh Y Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản và nợ chung: Chị H Tr không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị H Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk theo biên lai số 0003126 ngày 25/3/2026.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- THADS tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 8 – Đăk Lăk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đăk Lăk;
- UBND xã Cư Mta, tỉnh Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ